

Số: 5456558

|                                                 | PEUGEOT 408 SPORT EDITION GT            | PEUGEOT 5008 PREMIUM ALL-NEW        |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                            | <b>1.289.000.000đ</b>                   | <b>1.379.000.000đ</b>               |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                 |                                         |                                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                        | 4.687 x 1.850 x 1.510                   | 4.790 x 1.895 x 1.735               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                            | 2.787                                   | 2.900                               |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                         | 189                                     | 204                                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                    |                                         |                                     |
| Loại động cơ                                    | 1.6 Turbo PureTech                      | 1.6L Turbo Puretech                 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                    | 218 @ 5.500                             | 180 hp @ 5.500 rpm                  |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                   | 300 @ 2.000                             | 300 Nm @ 2.000 rpm                  |
| Hộp số                                          | Tự động 8 cấp                           | Tự động 6 cấp                       |
| Thông số lốp xe                                 | 245/40 R20                              | Mâm hợp kim 19-inch kiểu Breda      |
| Trang bị khác                                   | Hệ thống kiểm soát chất lượng không khí | Màn hình phím chức năng i-Toggles   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                              |                                         |                                     |
| Cụm đèn trước                                   | Matrix LED                              | LED                                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                       | ● (Phân vùng ánh sáng)                  |                                     |
| Cụm đèn sau                                     | Hiệu ứng 3D                             | LED mô phỏng móng vuốt sư tử        |
| Gạt mưa tự động                                 | ●                                       |                                     |
| Cửa sổ trời                                     | ●                                       |                                     |
| Trang bị khác                                   | Hệ thống kiểm soát chất lượng không khí | Màn hình phím chức năng i-Toggles   |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                    |                                         |                                     |
| Vô lăng bọc da                                  | Phong cách GT                           |                                     |
| Chất liệu ghế                                   | Da                                      |                                     |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ● (+ nhớ vị trí)                        | ●                                   |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●                                       | ●                                   |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | ●                                       |                                     |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 10-inch 3D Quartz                       | Cụm màn hình cong panoramic 21-inch |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10-inch + 9.6-inch i-Toggle screen      | Cụm màn hình cong panoramic 21-inch |
| Hệ thống âm thanh                               | 10 loa Focal                            |                                     |
| Trang bị khác                                   | Hệ thống kiểm soát chất lượng không khí | Màn hình phím chức năng i-Toggles   |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                                         |                                     |
| Số túi khí                                      | 6                                       | 06                                  |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước + sau                             | Phía trước và sau                   |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                                       | ●                                   |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                                       | ●                                   |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ● (Định tâm làn đường)                  | ●                                   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ● (Camera + radar)                      | ●                                   |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Thích ứng (Stop & Go)                   |                                     |
| Camera lùi                                      | 360°                                    |                                     |
| Khác                                            | Nhận diện biển báo giao thông           | Nhận diện biển báo tốc độ           |